

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2022/HS-ST

Ngày: 25 - 3 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Danh

2. Ông Lâm Ngọc Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Vân, là thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Luận - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 11/2022/HS-ST, ngày 18 tháng 02 năm 2022 (theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐXXST-HS, ngày 01/3/2022), đối với bị cáo:

Trần Thị Tú Th (tên gọi khác: Gái), sinh năm 1985, tại Sóc Trăng; Nơi cư trú: ấp C, xã N, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Bán vé số; trình độ văn hóa (học vấn): Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Nguyên A và bà Trần Thị B; bị cáo có chồng và 03 đứa con; tiền án: có 01 tiền án, vào ngày 19/01/2021 bị Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tuyên phạt 06 tháng tù, về Tội trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự (chưa được xóa án tích); tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15 tháng 6 năm 2021 cho đến nay, (bị cáo có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Văn B, trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Người bị hại:

1. Bà Sơn Thị S, sinh năm 1953; nơi cư trú: ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. Bà Trần Thị L, sinh năm 1945; nơi cư trú: ấp X, xã K, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt)

- Người bào chữa cho bị hại: ông Nguyễn Văn N là Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Trần Bạch H, sinh năm 1951; nơi cư trú: số 261, đường N, khóm M, phường M, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có đơn xin vắng mặt).

2. Bà Phan Thị Tú T, sinh năm 1978; nơi cư trú: ấp C, xã N, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt)

3. Ông Ong Như N (D), sinh năm 1976; nơi cư trú: ấp C, xã N, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt). Người đại diện theo ủy quyền của ông N: bà Phan Thị Tú T (có mặt).

4. Ông Võ Hoàng T, sinh năm 1967; nơi cư trú: ấp C, xã N, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

5. Ông Trịnh Minh T, sinh năm 1971; nơi cư trú: ấp C, xã N, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Người tham gia tố tụng khác (người làm chứng):

1. Bà Kim Thị B, sinh năm 1987; nơi cư trú: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. Bà Thạch Thị P, sinh năm 1971; nơi cư trú: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

3. Bà Nguyễn Thị Trang Đ (Chín); nơi cư trú: ấp Q, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 06 giờ ngày 16/5/2021, T điều khiển xe gắn máy biển kiểm soát 83PT-166.59 từ thành phố S đến khu vực chùa T, thuộc ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng để bán vé số thì gặp bà Sơn Thị S đang đi bộ phía trước, nên T nảy sinh ý định lừa lấy tiền của bà S. Lúc này T chạy xe đến gần bà S nói: “bà ơi bà đi bộ thấy tội nghiệp quá, lên con chở bà đi, cho bà quá giang nè”, bà S đồng ý lên xe, T chở vào chùa T gần đó để tìm cách lừa lấy tài sản của bà S, nhưng thấy có nhiều người trong chùa nên T tiếp tục điều khiển xe quay trở ra. T tiếp tục nói với bà S “tý con cho bà 500.000 đồng làm vốn bán rau” và chạy thẳng qua cầu sang Quốc lộ 1A, cho xe quẹo phải về hướng thành phố S, khi vừa qua cầu T, T dừng lại trước ngôi nhà hoang (cặp mé sông), thuộc ấp T, xã H, huyện C kêu bà S vào trong nhà hoang để T

cho tiền. Khi bà S ngồi trên giường, T lấy tờ tiền 500.000 đồng trong túi xách ra nhét vào túi quần của bà S 02 lần mục đích xem bà S có tiền hay không để chiếm đoạt nhưng không có nên T rút lại tờ tiền 500.000 đồng bỏ vào giỏ xách. Lúc này, T thấy bà S dùng tay trái bịt ở khu vực phía dưới lưng quần trước bụng và bị ngã xuống nền nhà, T mới khom người xuống dùng tay phải đè vào vai bên trái của bà S để giữ cố định, đồng thời dùng tay trái giật túi vải màu đỏ bên trong có 01 hộp tròn bỏ vào giỏ xách rồi ra lấy xe điều khiển về hướng thành phố S (lúc này khoảng 06 giờ 45 phút cùng ngày). Khi đến khu vực chùa S, thuộc phường B, thành phố S, T dừng xe lại mở túi màu đỏ ra xem thấy tài sản gồm: 01 sợi dây chuyền vàng 24kara, 01 đôi bông tai vàng 18 kara, 01 chiếc nhẫn vàng 24 kara, 01 chiếc nhẫn vàng 18 kara nhưng không rõ trọng lượng từng loại. T đến tiệm vàng K, do bà Trần Bạch H làm chủ, tọa lạc trên đường N, khóm M, phường M, thành phố S bán 02 chiếc nhẫn vàng và 01 đôi bông tai (lúc này T biết được 01 đôi bông tai vàng 18 kara trọng lượng 09 phân, 01 chiếc nhẫn vàng 24 kara trọng lượng 03 phân, 01 chiếc nhẫn vàng 18 kara trọng lượng 2,5 phân), được số tiền 6.980.000 đồng. Sau đó, T đến tiệm vàng N, do ông Ong Như N và bà Phan Thị Tú T làm chủ, tọa lạc ấp C, xã N, huyện C mua 01 mặt dây chuyền vàng 24 kara hình trái tim, trọng lượng 05 phân với số tiền 2.700.000 đồng, để gắn vào sợi dây chuyền mà T vừa chiếm đoạt được của bị hại S. Đến khoảng 07 giờ ngày 18/5/2021, T đem sợi dây chuyền trên bán cho tiệm vàng N (lúc này biết được trọng lượng là 3,5 chỉ vàng 24 kara), được số tiền 17.710.000 đồng. Khoảng 01 tiếng sau, T dẫn T là bạn gái của con ruột của T (nhà ở xã Đ, huyện X, tỉnh Sóc Trăng, nhưng không rõ họ tên và địa chỉ) đến tiệm vàng N mua cho T 01 đôi bông tai vàng 24 kara trọng lượng 05 phân và 01 chiếc nhẫn vàng 18 kara trọng lượng 2,9 phân với tổng số tiền 3.826.000 đồng, trả cho ông Trịnh Minh T 2.500.000 đồng, số tiền còn lại 7.000.000 đồng, T cất giữ để tiêu xài cá nhân.

Đến ngày 18/5/2021, Cơ quan điều tra triệu tập T để làm việc, qua đấu tranh T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đồng thời khai ra các địa điểm bán vàng tại thành phố S và xã N, huyện C. Qua đó, Cơ quan chức năng đã tiến hành thu giữ được 01 sợi dây chuyền vàng tại tiệm vàng N. Đối với số vàng T bán tại tiệm vàng K, Cơ quan điều tra không thu hồi được. Ngoài ra, T cũng tự giao nộp số tiền 7.000.000 đồng còn lại cho Cơ quan điều tra để xử lý theo quy định của pháp luật.

Ngoài lần phạm tội trên, bị cáo Trần Thị Tú T còn khai nhận đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà Trần Thị L, sinh năm 1945, nơi cư trú: ấp X, xã K, huyện C, tỉnh Sóc Trăng trước đó, cụ thể như sau: khoảng 08 giờ ngày 05/5/2021, T điều khiển xe gắn máy biển kiểm soát 83PT-166.59 đến khu vực ấp T, thị trấn C, huyện C để bán vé số (đoạn gần Ngân hàng K), T gặp gặp bà Trần Thị L

đang đi bán vé số dạo, nên nảy sinh ý định lừa bà L để chiếm đoạt tài sản. T dùng xe lại nói “bà ơi người ta có cho gạo kìa, lên con chở bà đi nhận”, khi nghe xong bà L đồng ý. T chở bà L chạy hướng thị trấn C đi thành phố S, khi vừa qua khỏi cầu T, bị cáo dừng lại trước ngôi nhà hoang (nơi thực hiện hành vi cướp tài sản của bà S sau này), kêu bà L vào trong nhà để nhận gạo. Sau đó, T nói với bà L, bà có tiền không lấy ra để T giữ dùm, nếu người cho gạo thấy có tiền sẽ không cho nữa, bà L đồng ý đưa số tiền 1.200.000 đồng cho bị can cất giữ. T tiếp tục nói với bà L đưa vé số để mua tiếp, bà L đưa 26 tờ vé số (mỗi tờ mệnh giá 10.000 đồng) của công ty xổ số kiến thiết tỉnh Sóc Trăng cho bị can xem. Sau đó, T chiếm đoạt số tiền 1.200.000 đồng và 26 tờ vé số của bà L rồi điều khiển về thành phố S, thì sự việc chấm dứt (lúc này khoảng 08 giờ 30 phút cùng ngày). Như vậy, tổng số tiền và vé số bị cáo chiếm đoạt của bà L là 1.460.000 đồng. Tuy chưa đủ định lượng để cấu thành tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nhưng do trước vào ngày 19/01/2021, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tuyên phạt 06 (sáu) tháng tù, về “Tội trộm cắp tài sản” (chưa được xóa án tích), nên với lần vi phạm này, bị can đã phạm vào “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại bản kết luận giám định số 3285/C09B, ngày 25 tháng 6 năm 2021 của Phân viện khoa học hình sự, tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng được niêm phong gửi giám định, khối lượng: 11,21 gam, có thành phần kim loại chính là vàng (Au), hàm lượng vàng (Au) là 95,10%. Hoàn lại đối tượng gửi giám định: mẫu vật sau giám định được niêm phong.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 18/KL-HĐĐG ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng kết luận, tại thời điểm ngày 16/5/2021:

+ 01 sợi dây chuyền vàng cân nặng 11,21 gam (2,989 chỉ), hàm lượng vàng là 95,10% (tài sản thu hồi được): đơn giá vàng 5.095.000 đồng/chỉ, cân nặng 2,989 chỉ, thành tiền là 15.228.955 đồng.

+ 01 chiếc nhẫn vàng 24 kara, loại nhẫn tròn, cân nặng 03 phân (0,3 chỉ) (tài sản chưa thu hồi được): đơn giá vàng: 5.095.000 đồng/chỉ, cân nặng 0,3 chỉ, thành tiền 1.528.500 đồng.

+ 01 chiếc nhẫn vàng 18 kara, loại nhẫn đồng tiền, cân nặng 02 phân 25 ly (0,225 chỉ) (tài sản chưa thu hồi được): đơn giá vàng 3.751.000 đồng/chỉ, cân nặng 0,225 chỉ, thành tiền 843.975 đồng.

+ 01 đôi bông tai vàng 18 kara, cân nặng 09 phân (0,9 chỉ) (tài sản chưa thu hồi được): đơn giá vàng 3.751.000 đồng/chỉ, cân nặng 0,9 chỉ, thành tiền 3.375.900 đồng.

Tổng số tiền qua định giá là 20.977.330 đồng (Hai mươi triệu, chín trăm bảy mươi bảy nghìn, ba trăm ba mươi đồng).

Ngày 18/5/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng ra quyết định khởi tố vụ án hình sự về “Tội cướp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự; ngày 15 tháng 6 năm 2021 ra quyết định khởi tố bị can và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Trần Thị Tú T, về “Tội cướp tài sản”, quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự. Ngày 12 tháng 7 năm 2021, Cơ quan điều tra ra quyết định bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định bổ sung quyết định khởi tố bị can đối với Trần Thị Tú T, về “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Về vật chứng của vụ án: trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đã ra quyết định tạm giữ:

- Tạm giữ của bị cáo Trần Thị Tú T: tiền Việt Nam: 7.000.000 đồng (gồm 14 tờ có mệnh giá 500.000 đồng); 01 đôi bông tai bằng kim loại màu vàng, có hột màu trắng; 01 nhẫn tròn trơn bằng kim loại màu vàng, có ký hiệu 3M 75%; 01 xe gắn máy biển kiểm soát 83PT-166.59, nhãn hiệu Angela, màu đỏ đen, số máy MSE1BD008121, số khung 05CDED008121; 01 giấy đăng ký xe số 278183, tên Trần Thị Tú T; 01 nón bảo hiểm màu trắng - xanh, trên nón có dòng chữ “Bảo hiểm xã hội Việt Nam”; 01 túi đeo màu xanh, có dây màu đen, túi hai ngăn, trên túi có chữ “Xổ số kiến thiết Hậu Giang”; 01 đôi dép màu xanh dương, trên dép có chữ “DUWA” và 01 bộ đồ (quần và áo) thun có màu xanh lá cây, có sọc ô vuông màu đen.

- Tạm giữ của bà Phan Thị Tú T: 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, khoen lật, hai đầu dây chuyền có ký hiệu 3^{TC} và TMD2 97%; 01 mặt dây chuyền bằng kim loại màu vàng hình trái tim, có ký hiệu AS97%.

- Tạm giữ của bà Sơn Thị S: 01 quần lót nữ màu vàng hung, có gắn kim tây màu đỏ; 01 túi giấy trên mặt giấy có chữ “Tiệm vàng M 371 chợ T, TT C, H. C, T. Sóc Trăng và mặt còn lại có chữ “Giấy bảo đảm tên hàng Nhẫn đ. tiền số lượng 2^F2.5^L Giá 3T260.000 Tiền công 150.000 Thành tiền 880.000 ngày 05/6/2020”

Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho các chủ sở hữu quản lý hợp pháp, cụ thể như sau:

- Trả lại cho bị can Trần Thị Tú T: 01 nón bảo hiểm màu trắng - xanh, trên nón có dòng chữ “Bảo hiểm xã hội Việt Nam”; 01 túi đeo màu xanh, có dây màu đen, túi hai ngăn, trên túi có chữ “Xổ số kiến thiết Hậu Giang”; 01 đôi dép màu xanh dương, trên dép có chữ “DUWA” và 01 bộ đồ (quần và áo) thun có màu xanh lá cây, có sọc ô vuông màu đen.

- Trả lại cho bà Sơn Thị S: 01 quần lót nữ màu vàng hung, có gắn kim tây màu đỏ.

- Đối với vật chứng là số tiền 7.000.000 đồng; 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, khoen lật, hai đầu dây chuyền có ký hiệu 3^{TC} và TMD2 97%; 01 mặt dây chuyền bằng kim loại màu vàng hình trái tim, có ký hiệu AS97%, 01 đôi bông tai bằng kim loại màu vàng, có hột màu trắng và 01 nhẫn tròn trơn bằng kim loại màu vàng, có ký hiệu 3M 75%, đến ngày 29/9/2021 Cơ quan điều tra đã gửi kho bạc Nhà nước huyện Châu Thành bảo quản theo quy định của pháp luật. Đối với các vật chứng còn lại, Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ để xử lý theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Sơn Thị Suội yêu cầu bị cáo Trần Thị Tú T bồi thường bằng vàng, cụ thể như sau: 01 chiếc nhẫn vàng 24 kara, trọng lượng 05 phân; 01 chiếc nhẫn vàng 18 kara trọng lượng 02 phân 25 ly và 01 đôi bông tay vàng 18 kara trọng lượng 01 chỉ, đến nay bị can chưa bồi thường cho bị hại. Riêng đối với 01 sợi dây chuyền vàng, cân nặng 11,21 gam, hàm lượng vàng là 95,10% mà Cơ quan điều tra đang tạm giữ, bị hại xin được nhận lại.

Bị hại Trần Thị L yêu cầu bị cáo Trần Thị Tú T bồi thường cho bị hại số tiền 1.800.000 đồng và 26 tờ vé số (tổng số tiền là 2.060.000 đồng), chứ không phải số tiền 1.460.000 đồng mà bị can đã khai nhận, đến nay bị cáo chưa bồi thường.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ong Như N và Phan Thị Tú T yêu cầu bị cáo Trần Thị Tú T bồi thường số tiền 17.710.000 đồng, đến nay bị can chưa bồi thường.

Tại Cáo trạng số 11/CT-VKS-CT, ngày 17/02/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đã truy tố bị cáo Trần Thị Tú T về tội "Cướp tài sản" và tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", quy định tại khoản 1 Điều 168 và điểm b khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Áp dụng khoản 1 Điều 168; Điểm n, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo: Trần Thị Tú T với mức án từ 03 năm tù đến 04 năm tù về tội "Cướp tài sản".

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 174; Điểm b, n, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo: Trần Thị Tú T với mức án tù 09 tháng tù đến 12 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự, đề nghị tổng hợp hình phạt của 02 tội nêu trên mức án tù 03 năm 09 tháng đến 05 năm tù.

* Về xử lý vật chứng: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 47; điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại cho người bị hại Sơn Thị S 01 dây chuyền kim loại màu vàng, khoen lặt, hai đầu dây chuyền có ký hiệu 3TC và TMD2 97%.

Tịch thu tiêu hủy: 01 túi giấy trên mặt giấy có chữ "Tiệm vàng M, chợ T, thị trấn C, tỉnh Sóc Trăng.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 xe gắn máy biển kiểm soát 83PT-166.59, nhãn hiệu Angela, màu đỏ đen, số máy MSE1BD008121, số khung 05CDED008121; 01 giấy đăng ký xe số 278183, tên Trần Thị Tú T.

Đối với số tiền 7.000.000 đồng; 01 đôi bông tai bằng kim loại màu vàng; 01 nhẫn trơn bằng kim loại màu vàng; 01 mặt dây chuyền bằng kim loại màu vàng hình trái tim, có ký hiệu AS97%. Đề nghị tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

* Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 48; các Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Trần Thị Tú T bồi thường thiệt hại cho người bị hại Sơn Thị S: 01 chiếc nhẫn vàng 24 kara, trọng lượng 05 phân; 01 chiếc nhẫn vàng 18 kara trọng lượng 02 phân 25 ly và 01 đôi bông tay vàng 18 kara trọng lượng 01 chỉ, theo kết quả định giá tài sản là 7.142.375 đồng.

Bị hại Trần Thị L yêu cầu bị cáo Trần Thị Tú T bồi thường cho bị hại số tiền 1.800.000 đồng và 26 tờ vé số (tổng số tiền là 2.060.000 đồng). Trước khi mở phiên tòa, bị cáo Trần Thị Tú T đã bồi thường thiệt hại cho bị hại Trần Thị L nhận số tiền 1.800.000 đồng. Tại phiên tòa, bị hại Trần Thị L không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, nên không đặt ra xem xét.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Ong Như N và bà Phan Thị Tú T yêu cầu bị cáo Trần Thị Tú T bồi thường số tiền 17.710.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị Tú T đồng ý bồi thường số tiền trên cho Ong Như N và bà Phan Thị Tú T. Xét thấy, sự tự nguyện và thỏa thuận giữa bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không trái pháp luật và đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận và tự nguyện trên của bị cáo và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn B, bào chữa cho bị cáo có ý kiến cho rằng: Về tội danh, Điều luật áp dụng thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị; về tình tiết giảm nhẹ, bị cáo có trình độ học vấn thấp, nhận thức pháp luật còn hạn chế, nên dẫn đến bị cáo phạm tội. Nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt khởi điểm mà Viện kiểm sát đề nghị cho bị cáo; đối với chiếc xe là tài sản của bị cáo, bị cáo dùng phương tiện này để bán vé số để lo cuộc sống cho gia đình, nên đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo.

Luật sư Nguyễn Văn N, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại có ý kiến cho rằng: Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội danh là hoàn toàn phù hợp và tại phiên tòa, bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tuy nhiên, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, người bị hại đã hơn 70 tuổi mà bị cáo lại lừa đảo lấy tài sản của bị hại. Trước đây, bị cáo cũng bị xử lý hành chính và bị xét xử về tội trộm cắp tài sản. Bị cáo tìm mọi cách dùng số tiền nhét vào túi của bị hại, nhưng bị hại từ chối không nhận, nhưng bị cáo vẫn cố tình nhét tiền vào túi là có sự tính toán để chiếm đoạt tài sản của bị hại. Bị cáo tính toán từng hành vi, từng giai đoạn; về hình phạt thống nhất với Viện kiểm sát đề nghị với 02 tội danh từ 03 năm 09 tháng đến 05 năm tù, nên đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo là 04 năm tù mới tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Về trách nhiệm dân sự, tại phiên tòa, bị cáo cũng đã đồng ý tự nguyện bồi thường cho các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, mong Hội đồng xét xử xem xét buộc bị cáo trả lại cho người bị hại Sơn Thị S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ong Như N và bà Phan Thị Tú T bằng vàng, nếu tra bằng tiền là do vàng giá lên xuống bất thường, nên người bị hại và người có liên quan không có điều kiện để mua lại như ban đầu. Đối với chiếc xe của bị cáo dùng phương tiện để phạm tội, nên đề nghị tịch thu sung quỹ theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên có ý kiến đối đáp cho rằng: Người bào chữa cho bị cáo có ý kiến về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và mức hình phạt đề nghị mức khởi điểm của Viện kiểm sát đề nghị, xét thấy không có mâu thuẫn với quan điểm của Viện kiểm sát đề nghị, nên Kiểm sát viên không có ý kiến tranh luận gì thêm. Ngoài ra, người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo chiếc xe, vì chiếc xe này là tài sản của bị cáo dùng bán vé số kiếm sống là không có căn cứ. Bởi vì, bị cáo dùng phương tiện là chiếc xe để thực hiện hành vi cướp tài sản và lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị hại gây mất an ninh trật tự ở địa phương, gây hoang mang dư luận trong quần chúng nhân dân. Nên cần tịch thu sung quỹ chiếc xe nêu trên là có căn cứ.

Đối với luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại cũng thống nhất về tội danh; về hình phạt đề nghị mức hình phạt của 02 tội đối với bị cáo là 04 năm tù là cũng không có mâu thuẫn gì về hình phạt. Bởi vì, Viện kiểm sát đề nghị mức hình phạt 02 tội từ 03 năm 09 tháng đến 05 năm tù là trong khung hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị. Ngoài ra, Luật sư đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước xe mô tô của bị cáo dùng phương tiện phạm tội là có căn cứ.

Đối với ý kiến của luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, buộc bị cáo trả cho người bị hại Sơn Thị S tài sản bị chiếm đoạt bằng vàng là không có căn cứ. Vì theo kết quả định giá tài sản số tiền là 7.142.375 đồng, nên buộc bị cáo phải trả cho bị hại S số tiền trên theo định giá tài sản là có căn cứ.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Tú T yêu cầu được nhận lại mặt dây chuyền bằng kim loại màu vàng là không có căn cứ, vì mặt dây chuyền trên, bị cáo đã mua của bà và Cơ quan điều tra đã thu giữ, nên cần tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, ý kiến của các bị cáo cùng lời khai của những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng nêu trên trong vụ án, mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử xét thấy sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử và lời khai của họ đã có trong hồ sơ vụ án, nên căn cứ Điều 292, Điều 293 và Điều 299 Bộ luật Tố tụng hình sự, quyết định xét xử vắng mặt người những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và người làm chứng nêu trên.

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra và truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Ngoài ra, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị Tú T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Thấy rằng, lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan

điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Nên có đủ căn cứ xác định: Để có tiền tiêu xài cho mục đích cá nhân, vào khoảng 06 giờ 45 phút ngày 16/5/2021, tại căn nhà hoang thuộc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, bị cáo Trần Thị Tú T đã có hành vi dùng vũ lực qua hình thức dùng tay phải đè vào vai bên trái của bị hại Sơn Thị S, nhằm mục đích không cho bị hại chống cự, đồng thời dùng tay trái lục soát và chiếm đoạt của bị hại 01 sợi dây chuyền vàng 24 kara, trọng lượng 2,989 chỉ, 01 đôi bông tai vàng 18 kara trọng lượng 09 phân, 01 chiếc nhẫn vàng 24 kara trọng lượng 03 phân và 01 chiếc nhẫn vàng 18 kara trọng lượng 02 phân 25 ly. Tài sản của bị hại Suội bị chiếm đoạt qua định giá là 20.977.330 đồng (Hai mươi triệu, chín trăm bảy mươi bảy nghìn, ba trăm ba mươi đồng). Ngoài lần phạm tội trên, bị cáo còn khai nhận trước đó vào khoảng 08 giờ 30 phút ngày 05/5/2021 (cũng tại căn nhà hoang trên), bị cáo đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối qua hình thức lừa bị hại Trần Thị L nói có người cho gạo để ăn, sau đó lợi dụng bị hại lớn tuổi để chiếm đoạt số tiền 1.200.000 đồng và 26 tờ vé số kiến thiết (loại mệnh giá 10.000 đồng), tổng số tiền là 1.460.000 đồng. Mặc dù chưa đủ định lượng cấu thành Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nhưng do trước đó bị cáo đã có 01 tiền án về Tội trộm cắp tài sản (chưa được xóa án tích), nên với lần vi phạm này, bị cáo đã phạm vào khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành truy tố bị cáo Trần Thị Tú T về tội Cướp tài sản và Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, theo khoản 1 Điều 168 và điểm b khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ đúng người, đúng tội, không oan cho bị cáo. Hành vi trên của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại trong vụ án được pháp luật bảo vệ. Ngoài ra, hành vi phạm tội của bị cáo còn gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở địa phương, gây bất bình trong dư luận và còn thể hiện tính chất xem thường pháp luật, Cho nên, bị cáo phải bị xử lý nghiêm minh trước pháp luật là cần thiết, nhằm để răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Trần Bạch H (chủ tiệm vàng K): theo lời khai của bị cáo Trần Thị Tú T, sau khi chiếm đoạt tài sản của bị hại Sơn Thị S, bị cáo đến tiệm vàng K bán 01 đôi bông tai và hai chiếc nhẫn được số tiền 6.980.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra bà H khai nhận, do lượng khách hàng ra vào hàng ngày rất đông, nên bà H không xác định được có mua vàng của bị cáo T bán hay không. Mặc khác, khi khách hàng đến giao dịch mua, bán vàng, thì tiệm vàng quy định không hỏi rõ hay xác định nguồn gốc vàng của khách hàng từ đâu mà có để bán, nên Cơ quan điều tra không đặt ra xem xét trách nhiệm.

Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ong Như N và Phan Thị Tú T (chủ tiệm vàng N): quá trình điều tra đã chứng minh được, ông N và bà T có mua sợi dây chuyền vàng do bị cáo T bán, nhưng khi mua bà không biết sợi dây chuyền bị cáo T bán cho mình là do phạm tội mà có, nên Cơ quan điều tra không đặt ra xem xét trách nhiệm.

Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Võ Hoàng T (là chồng của bị cáo T): quá trình điều tra đã chứng minh được, sau khi cướp được tài sản của bị hại S, bị cáo T có đeo sợi dây chuyền trên cổ, ông T quan sát thấy nhưng hoàn toàn không biết sợi dây chuyền trên do T chiếm đoạt của bị hại S, nên Cơ quan điều tra không đặt ra xem xét trách nhiệm.

Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Trịnh Minh T: quá trình điều tra đã chứng minh được, bị cáo T có dùng số tiền 2.500.000 đồng do phạm tội mà có để trả nợ cho ông T. Tuy nhiên, ông T không biết số tiền trên do bị cáo T phạm tội mà có, nên Cơ quan điều tra cũng không đặt ra xem xét trách nhiệm.

Đối với người phụ nữ tên T, không xác định được họ tên và địa chỉ (là bạn gái của con trai bị cáo T): quá trình điều tra đã chứng minh được, sau khi bán sợi dây chuyền do bị cáo cướp được, bị cáo có mua 01 chiếc nhẫn và 01 đôi bông tai cho T, do không xác định được họ tên và địa chỉ cụ thể của T ở đâu nên Cơ quan điều tra chưa mời làm việc được. Mặt khác, theo lời khai của bị cáo, T không biết bị cáo dung tiền do phạm tội mà có để mua vàng và đôi bông tai cho T, nên Cơ quan điều tra không đặt ra xem xét trách nhiệm.

Về tình tiết định tội: Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Trần Thị Tú T có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Tái phạm", quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Đối với tội cướp tài sản và có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội đối với người đủ 70 tuổi trở lên" quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, đối với tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, Thời điểm phạm tội bị cáo đang mang thai, trong quá trình điều tra bị cáo đã tự khai ra lần phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trước đó. Do đó, căn cứ các tình tiết giảm nhẹ nêu trên áp dụng cho bị cáo theo quy định tại điểm n, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Sơn Thị S yêu cầu bị cáo Trần Thị Tú T bồi thường bằng vàng, cụ thể như sau: 01 chiếc nhẫn vàng 24 kara, trọng lượng 05 phân; 01 chiếc nhẫn vàng 18 kara trọng lượng 02 phân 25 ly và 01 đôi bông tay vàng 18 kara trọng lượng 01 chỉ, theo kết quả định giá tài sản số tiền 7.142.375

đồng. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường thiệt hại cho người bị hại S số tiền là 7.142.375 đồng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ông Như N và Phan Thị Tú T yêu cầu bị cáo Trần Thị Tú T bồi thường số tiền 17.710.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị Tú T đồng ý bồi thường số tiền trên cho Ông Như N và bà Phan Thị Tú T.

Xét thấy, sự tự nguyện của bị cáo là không trái pháp luật và đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của bị cáo.

Bị hại Trần Thị L yêu cầu bị can Trần Thị Tú T bồi thường cho bị hại số tiền 1.800.000 đồng và 26 tờ vé số (tổng số tiền là 2.060.000 đồng). Trước khi xét xử, giữa bị cáo và người bị hại đã thỏa thuận, bị cáo bồi thường cho bị hại đã nhận số tiền 1.800.000 đồng và tại phiên tòa, người bị hại L không có ý kiến hay yêu cầu gì thêm, nên không đặt ra xem xét.

Về vật chứng của vụ án: 01 dây chuyền kim loại màu vàng, khoen lật, hai đầu dây chuyền có ký hiệu 3TC và TMD2 97% của bị hại Sơn Thị S. Xét thấy, vật chứng trên là tài sản của người bị hại Suội, nên cần giao trả cho bị hại Suội theo quy định của pháp luật.

Đối 01 túi giấy trên mặt giấy có chữ "Tiệm vàng M, chợ T, thị trấn C, tỉnh Sóc Trăng, tại phiên tòa người bị hại Sơn Thị S không yêu cầu nhận lại, nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định của pháp luật.

Đối với 01 xe gắn máy biển kiểm soát 83PT-166.59, nhãn hiệu Angela, màu đỏ đen, số máy MSE1BD008121, số khung 05CDED008121; 01 giấy đăng ký xe số 278183, tên Trần Thị Tú T. Xét thấy, vật chứng trên là phương tiện bị cáo dùng để phạm tội, nên cần tịch thu sung quỹ theo quy định của pháp luật.

Đối với số tiền 7.000.000 đồng; 01 đôi bông tai bằng kim loại màu vàng; 01 nhẫn trơn bằng kim loại màu vàng; 01 mặt dây chuyền bằng kim loại màu vàng hình trái tim, có ký hiệu AS97%. Cần tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: bị cáo là người bị kết án, nên bị cáo phải chịu nộp án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: bị cáo Trần Thị Tú T, phạm tội "Cướp tài sản" và "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ khoản 1 Điều 168; Điểm n, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. về tội "Cướp tài sản";

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 174; Điểm b, n, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản";

Căn cứ khoản 1 Điều 47; điểm a, b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo **Trần Thị Tú T** 03 (ba) năm tù về tội "Cướp tài sản" và 09 (chín) tháng về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"

Tổng hợp hình phạt của 02 tội nêu trên, buộc bị cáo phải chấp hành là 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường thiệt hại cho người bị hại Sơn Thị Suội tài sản bị chiếm đoạt theo kết quả định giá tài sản số tiền là 7.142.375 đồng.

Buộc bị cáo bồi thường thiệt hại cho ông Ong Như N và bà Phan Thị Tú T số tiền 17.710.000 đồng.

3. Về xử lý vật chứng của vụ án:

Trả lại cho người bị hại Sơn Thị S 01 dây chuyền kim loại màu vàng, khoen lạt, hai đầu dây chuyền có ký hiệu 3TC và TMD2 97%.

Tịch thu tiêu hủy: 01 túi giấy trên mặt giấy có chữ "Tiệm vàng M, chợ T, thị trấn C, tỉnh Sóc Trăng.

Tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 xe gắn máy biển kiểm soát 83PT-166.59, nhãn hiệu Angela, màu đỏ đen, số máy MSE1BD008121, số khung 05CDED008121; 01 giấy đăng ký xe số 278183, tên Trần Thị Tú T.

Tiếp tục quản lý số tiền 7.000.000 đồng; 01 đôi bông tai bằng kim loại màu vàng; 01 nhẫn trơn bằng kim loại màu vàng; 01 mặt dây chuyền bằng kim loại màu vàng hình trái tim, có ký hiệu AS97% để đảm bảo thi hành án. (Theo biên bản giao nhận tài sản số 09/2021/BBBG-CA ngày 29/9/2021, giữa Công an huyện Châu Thành và Kho bạc Nhà nước huyện Châu Thành).

3. Về án phí: Buộc bị cáo Trần Thị Tú T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 1.242.500 đồng (đã tính tròn số)..

4. Về quyền kháng cáo bản án: bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày, tính từ ngày họ nhận được bản

án hoặc ngày bản án được niêm yết, đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử vụ án theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ST;
- VKND tỉnh ST
- VKSND huyện CT;
- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, NVLQ;
- Chi cục THADS huyện CT;
- Cơ quan THAHS, CA huyện CT;
- Sở Tư pháp tỉnh ST;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Nhân